

Bản án số: 52/2026/DS-ST
Ngày 29 – 01 – 2026
V/v tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Huỳnh Hường
- Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2025/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 824/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Văn T, sinh năm 1967; Căn cước công dân số 096067015444, cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Ông Quách Văn T1, sinh năm 1979; Căn cước công dân số 096079019497, cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1971 Căn cước công dân số 096071001549, cấp ngày 12/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.2. Ông Quách Văn T2, sinh năm 1975; Địa chỉ: số 673A/99B, Lộ Liên Hương, khu phố N, phường R, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.3. Ông Quách Văn T3 (Tui); Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.4. Bà Quách Thị L; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. Bà Lâm Thị B; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P; Địa chỉ: ấp 8, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Quách Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Phần đất có diện tích 19.310m² tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nay là ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau thuộc thửa số 856, tờ bản đồ 4B đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 38924 cho ông đứng tên vào ngày 01/12/2003 được ông nhận chuyển nhượng từ ông Quách Văn Đ (em ruột của ông) vào năm 2003. Trước khi nhận chuyển nhượng, do ông Quách Văn Dân (Quách Văn Vân – anh ruột của ông) được Nhà nước tặng nhà tình nghĩa theo chế độ nhưng ông Dân không có đất cất nhà nên chính quyền địa phương vận động ông Đ cho ông Dân mượn phần đất nền nằm trong diện tích đất nêu trên để Nhà nước xây dựng nhà tình nghĩa, ông Đ đồng ý.

Việc cho mượn đất có làm giấy viết tay được lập vào năm 1999, kèm theo điều kiện khi nào nhà tình nghĩa hư, ông Dân chết thì trả lại nền đất trên đến năm 2000, Nhà nước cất nhà tình nghĩa cho ông Dân. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông vẫn đồng ý cho vợ chồng ông Dân ở trên đất. Năm 2015, ông Dân chết đến ngày 16/5/2020, ông có mời công an ấp cùng một số bà con lân cận, ông Đ đến họp và ông đồng ý cho bà Phạm Thị He (vợ ông D) tiếp tục ở trong căn nhà trên đến hết đời. Tuy nhiên, trong quá trình ở trên đất ông T1 cùng bà He lấn chiếm của ông phần đất có diện tích 225m² (chiều ngang 9m, dài 25m) nên ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện P để giải quyết. Trong thời gian giải quyết vụ án, bà He và ông có lập biên bản thỏa thuận vào ngày 05/11/2020 nên ông rút đơn yêu cầu khởi kiện. Đến năm 2024, bà He chết và phần đất trên, ông Quách Văn T1 (con ông Dân, bà He) cùng vợ là bà Lâm Thị B tiếp tục ở trên phần đất này, không chịu di dời trả lại đất nên ông khởi kiện yêu cầu ông T1 trả lại phần đất có diện tích 225m² và tháo dỡ nhà, di dời các tài sản trên đất để trả lại đất cho ông.

Nay tại phiên tòa, ông xác định hiện trạng nhà đất tranh chấp cùng cây trồng trên đất giá trị không thay đổi so với bản vẽ hiện trạng, kết luận định giá nên không yêu cầu Tòa án đo đạc, thẩm định giá lại. Phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích là 262,2m², căn nhà có diện tích 40,4m² cùng mái che có diện tích 15,6m² và trên đất có trồng 02 cây dừa đang cho trái, một cây nước (giếng khoan), một hàng được trồng dọc mé sông nên ông yêu cầu vợ chồng ông T1, bà B tháo dỡ căn nhà cùng mái che có diện tích nêu trên và vật dụng sinh hoạt trong gia đình ra khỏi phần đất của ông, trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 262,2m², ông sẽ hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và hoàn trả giá trị giếng khoan, hai cây dừa theo giá trị đã định giá cùng hàng được trồng dọc mé sông Đường C với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho vợ chồng ông T1, không yêu cầu vợ chồng ông T1 trả lại chi phí đo đạc, thẩm định giá. Ngoài ra, ông T không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2024 và ngày 06/8/2024, ông Quách Văn T1 (bị đơn) trình bày:

Ông Quách Văn Dân, bà Phạm Thị He là cha mẹ của ông. Ông Dân chết năm 2010, bà He chết năm 2024 nhưng không để lại di chúc. Cha mẹ ông chung sống với nhau có 04 người con gồm ông, ông Quách Văn T2, bà Quách Thị L và ông Quách Văn T3 (Tui). Ông Dân là thương binh nên được nhà nước tặng cho nhà tình nghĩa nhưng do không có đất nên có mượn của ông Quách Văn Đ phần đất có chiều ngang 9m, dài từ mé lộ đến mé sông với diện tích khoảng 225m². Nay ông T yêu cầu trả lại đất, ông không đồng ý bởi đất này của ông Đ cho cha của ông ở vĩnh viễn và giấy ủy quyền cho mượn đất ở đến khi nào có chỗ ở mới thì trả lại. Hiện gia đình không có đất để ở nên ông yêu cầu ông T chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho ông theo giá thị trường để ông có nơi ở và thờ cúng cha mẹ.

Tại văn bản ý kiến ngày 07/8/2024 và ngày 19/11/2025, ông Quách Văn T2 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Phần đất và nhà của Quách Văn T1 đang ở hiện nay là của ông bà nội của ông cho ông Quách Văn Dân (cha của ông) ở vĩnh viễn, không ai có quyền thế chấp hoặc sang bán cho ai nhưng mấy chú của ông là ông Quách Văn Đ và Quách Văn T sang bán như thế nào thì anh em của ông không hay biết gì cả. Hiện cha mẹ của ông đã chết, nên ông đồng ý để phần đất này là cho ông T1 (em của ông) ở để thờ cúng cha mẹ, ông không đồng ý bán cho ai hết.

Tại tờ tường thuật, ông Quách Văn Đ (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Năm 1999, ông Quách Văn Dân có mượn của ông một phần đất để cất nhà ở, ông có cho mượn ở đến khi nào ông Dân chết thì trả lại cho ông chứ không cho ở vĩnh viễn cũng không chuyển nhượng cho ông Dân. Do ông đi làm ăn xa, ông có chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Quách Văn T và có mời bà He (vợ ông Dân), ông Quách Văn T1 cùng một vài người lân cận với công an áp chứng kiến để đòi phần đất lại, giờ phần đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Quách Văn T không thuộc quyền sở hữu của ông nữa.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/12/2024, bà Lâm Thị B (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bà và ông Quách Văn T1 là vợ chồng, vợ chồng sống trong căn nhà tình nghĩa này khoảng hơn 10 năm. Trên phần đất này, vợ chồng bà có trồng 01 hàng đuốc và 02 cây dừa lớn đang cho trái. Trường hợp có cơ sở buộc gia đình bà phải di dời nhà cửa, cây trồng trên đất thì bà có yêu cầu bồi thường cây trái, tài sản trên đất và thành quả lao động.

Tại văn bản ngày 05/5/2025 và ngày 24/11/2025, người đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ông Quách Văn T đang thế chấp quyền sử dụng đất số Y 852889 với diện tích 19,310m² để vay vốn với số tiền 435.000.000 đồng, nay tranh chấp giữa ông T

với ông T1 không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nên xin vắng mặt trong toàn bộ vụ án.

Đối với ông Quách Văn T1, ông Quách Văn Đ, ông Quách Văn T2, bà Quách Thị L, ông Quách Văn T3 (Tui) và bà Lâm Thị B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời và hoàn trả giá trị giếng khoan, hai cây dừa theo giá trị đã định giá cùng hàng được trồng dọc mé sông với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Quách Văn T1 cùng ông Quách Văn T2, ông Quách Văn Đ, ông Quách Văn T3 (Tui), bà Quách Thị L và bà Lâm Thị B đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Riêng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh P Cà Mau có đơn xin vắng mặt và tại phiên tòa, nguyên đơn cùng Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục đưa vụ án ra xét xử mà không hoãn phiên tòa. Xét thấy đề nghị của nguyên đơn, Kiểm sát viên phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[1.2] Tuy bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh thời điểm ông Quách Văn Dân (cha của bị đơn) cùng bà Phạm Thị He (mẹ của bị đơn) chết cũng như hàng thừa kế thứ nhất của ông Dân, bà He song quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có lời khai xác định ông Dân chết năm 2010, bà He chết năm 2024, cả hai chết không để lại di chúc. Ông Dân, bà He chung sống với nhau có 04 người con gồm: Bị đơn cùng ông Quách Văn T2, bà Quách Thị L và ông Quách Văn T3. Lời trình bày trên của bị đơn được nguyên đơn thừa nhận là đúng nên có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Dân, bà He là những người có tên nêu trên, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.3] Đối với bản trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp do Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đông chi nhánh Cà Mau đo vẽ, ký ngày 26/12/2024 cùng kết quả thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá trị Việt định giá ngày 17/02/2025, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn xác định hiện trạng nhà, đất bị đơn đang ở không thay đổi vẫn giống bản trích đo hiện trạng và thống nhất với giá đã được thẩm định theo chứng thư thẩm định giá nên không

yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định cũng như định giá lại nhà, đất tranh chấp. Riêng bị đơn không có ý kiến gì đối với bản trích đo hiện trạng và kết quả định giá nhà, đất tranh chấp nên sử dụng bản trích đo hiện trạng cùng chứng thư thẩm định giá của các Công ty nêu trên làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Căn nhà có diện tích 40,4m² và mái che có diện tích 15,6m² cùng phần đất có diện tích 262,2m² tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, tỉnh Cà Mau thuộc các thửa số 1, 2 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp do Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đông chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Công ty) đo vẽ, ký ngày 26/12/2024 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 852889 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Quách Văn T đứng tên vào ngày 01/12/2003. Nguyên đơn cho rằng phần diện tích đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn cho ông Dân, bà He (là cha mẹ của bị đơn) mượn để chính quyền địa phương xây dựng căn nhà tình nghĩa cho ông Dân, bà He ở với điều kiện khi nào ông Dân, bà He chết thì trả lại, riêng bị đơn không thống nhất nên giữa các đương sự phát sinh tranh chấp.

[3] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có tên nêu tại [1.2] tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do song căn cứ vào tờ tường thuật của ông Quách Văn Đ, lời trình bày của bị đơn tại phiên hòa giải ngày 06/8/2024, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/12/2003 trong đó có căn nhà bị đơn đang ở cùng phần diện tích đất bị đơn đang quản lý là của ông Đ chuyển nhượng lại cho nguyên đơn.

[4] Theo lời trình bày của nguyên đơn, ông Dân được Nhà nước xây dựng căn nhà tình nghĩa để ở từ năm 2000 đến năm 2020, vợ chồng bị đơn mới về đây ở cùng bà He (ở sau khi ông Dân chết) tuy việc ở trên đất liên tục với thời gian dài nhưng căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 28/8/1999 dl thể hiện phần đất ông Dân được Nhà nước xây dựng nhà là đất của ông Được cho mượn ở nhờ không phải đất tặng cho ông Dân. Năm 2003, ông Đ chuyển nhượng đất cho nguyên đơn nhưng cả ông Đ, ông Dân lẫn nguyên đơn không ai phản đối hoặc tranh chấp đối căn nhà tình nghĩa được cất trên phần đất nêu trên. Hơn nữa, tại tờ tường thuật (BL 75) ông Đ thừa nhận phần đất hiện ông Dân đang quản lý thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, không thuộc quyền sử dụng của ông Đ đều đó còn được chứng minh tại biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2020 giữa nguyên đơn và bà He với nội dung nguyên đơn chấp thuận cho bà He mượn nền nhà với diện tích 40m² để ở cho đến khi bà He qua đời trả lại phần đất cho nguyên đơn và tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2024, bị đơn tuy không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại xác định hiện không có đất để ở nên yêu cầu nguyên đơn chuyển nhượng toàn bộ phần đất theo giấy ủy quyền năm ngày 28/8/1999 dl có chiều ngang 09m, chiều dài tính từ mé lộ đến mé sông theo giá thị trường cho bị đơn đều đó đồng nghĩa với việc bị đơn thừa nhận phần đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn, cha mẹ của bị đơn chỉ xây dựng nhà ở trên phần đất mượn nên

nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đang thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai. Tuy ông Dân, bà He chết không để lại di chúc làm phát sinh quyền thừa kế nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dân, bà He vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản yêu cầu liên quan đến việc thừa kế và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh trong những người thừa kế cùng hàng có tranh chấp di sản thừa kế với bị đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong khi nhà, đất tranh chấp hiện do vợ chồng bị đơn quản lý, sử dụng từ khi ông Dân, bà He chết cho đến nay. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[5] Mặc dù, bà Lâm Thị B (vợ của bị đơn) trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến cho rằng “Trường hợp có cơ sở buộc gia đình bà phải di dời nhà cửa, cây trồng trên đất thì bà có yêu cầu bồi thường cây trái, tài sản trên đất và thành quả lao động” nhưng bà không nộp đơn yêu cầu độc lập và cùng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và hoàn trả giá trị giếng khoan, hai cây dừa theo giá trị đã định giá cùng hàng được trồng dọc mé sông Đường C với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho vợ chồng bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện trên của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng, nguyên đơn đã chi trả chi phí đo đạc, định giá. Lẽ ra, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả chi phí trên cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu hoàn trả lại – đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, do đây là tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất cho mượn ở nhờ nên vợ chồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch. Riêng nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền hỗ trợ chi phí di dời và hoàn trả giá trị giếng khoan cùng cây trồng trên đất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 100, 166, 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 (nay là Điều 26, 31, 137 và Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024);

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Quách Văn T.

Buộc ông Quách Văn T, bà Lâm Thị B tháo dỡ căn nhà có diện tích 40,4m² cùng mái che có diện tích 15,6m², di dời các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và trả lại phần đất có diện tích 262,2m² (có tứ cận gồm M9M10 = 28,69m, M10M11 = 9,00m, M11M12 = 29,77m, M9M12 = 9,00m) tọa lạc tại ấp Đường Cày, xã Phú Tân, tỉnh Cà Mau thuộc thửa đất số 1, 2 theo bản trích đo hiện trạng của Công ty

cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đông chi nhánh Cà Mau đo vẽ, ký ngày 26/12/2024 cho ông Quách Văn T.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng của Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Đông chi nhánh Cà Mau)

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Quách Văn T về việc hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà cùng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và hoàn trả giá trị giếng khoan (cây nước), hai cây dừa cùng hàng đước trồng dọc mé sông Đường C với tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho ông Quách Văn T1, bà Lâm Thị B. Ông Quách Văn T được toàn quyền sở hữu giếng khoan (cây nước), hai cây dừa và hàng đước trồng dọc mé sông Đường C.

Kể từ ngày ông Tuấn, bà Bé có đơn yêu cầu thi hành án, ông T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Quách Văn T1, bà Lâm Thị B phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng – chưa nộp)

Ông Quách Văn T phải nộp số tiền 500.000 đồng. Ngày 11/7/2024, ông T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003699 được đối trừ, chuyển thu ngân sách Nhà nước. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân